

Lịch biểu Chủng ngừa NSW

Được tài trợ tháng 7 năm 2020



VẮC XIN CHO TRẺ NHỎ			
TUỔI	CHỨNG BỆNH	VẮC XIN	THÔNG TIN
Mới sinh	Viêm gan B	H-B-VAX II HOẶC LÀ ENGERIX B (IM)	Trong vòng 7 ngày kể từ khi sinh (tốt nhất là trong vòng 24 giờ)
6 tuần	Bạch hầu, uốn ván, ho gà, khuẩn <i>Haemophilus influenzae</i> týp 2, viêm gan B, bại liệt	INFANRIX HEXA (IM)	ROTARIX: Liều 1 giới hạn trong thời gian từ 6-14 tuần tuổi BEXSERO: Đề xuất dùng paracetamol phòng ngừa. Có liều chủng bù cho trẻ em thổ dân <2 tuổi cho tới ngày 30/06/2023
	Phế cầu khuẩn	PREVENAR 13 (IM)	
	Vi rút Rota	ROTARIX (Đường miệng)	
	Viêm màng não cầu khuẩn B (chỉ đối với thổ dân* trẻ em)	BEXSERO (IM)	
4 tháng	Bạch hầu, uốn ván, ho gà, khuẩn <i>Haemophilus influenzae</i> týp 2, viêm gan B, bại liệt	INFANRIX HEXA (IM)	ROTARIX: Liều 2 giới hạn trong thời gian từ 10-24 tuần tuổi BEXSERO: Đề xuất dùng paracetamol phòng ngừa. Có liều chủng bù cho trẻ em thổ dân <2 tuổi cho tới ngày 30/06/2023
	Phế cầu khuẩn	PREVENAR 13 (IM)	
	Vi rút Rota	ROTARIX (Đường miệng)	
	Viêm màng não cầu khuẩn B (chỉ đối với thổ dân* trẻ em)	BEXSERO (IM)	
6 tháng	Bạch hầu, uốn ván, ho gà, khuẩn <i>Haemophilus influenzae</i> týp 2, viêm gan B, bại liệt	INFANRIX HEXA (IM)	Trẻ em ≥6 tháng có chứng bệnh nguy cơ đối với IPD [†] đề nghị được chủng ngừa thêm một liều PREVENAR 13 - xem AIH [*] Trẻ em thổ dân ≥6 tháng có các chứng bệnh nguy cơ nhất định có thể cần được chủng ngừa thêm một liều Bexsero - xem AIH [*]
12 tháng	Viêm màng não cầu khuẩn ACWY	NIMENRIX (IM)	Bexsero: Đề xuất dùng paracetamol phòng ngừa. Có liều chủng bù cho trẻ em thổ dân <2 tuổi cho tới ngày 30/06/2023
	Phế cầu khuẩn	PREVENAR 13 (IM)	
	Sởi, quai bị, sởi Đức (rubella)	MMR II HOẶC LÀ PRIORIX (IM HOẶC LÀ SC)	
	Viêm màng não cầu khuẩn B (chỉ đối với thổ dân* trẻ em)	BEXSERO (IM)	
18 tháng	Bạch hầu, uốn ván, ho gà	INFANRIX HOẶC LÀ TRIPACEL (IM)	Trẻ em có các chứng bệnh nguy cơ đối với IPD [†] đề nghị được chủng ngừa thêm một liều PNEUMOVAX 23 - xem AIH [*]
	Sởi, quai bị, sởi Đức (rubella), thủy đậu	PRIORIX TETRA HOẶC LÀ PROQUAD (IM HOẶC LÀ SC)	
	<i>Haemophilus influenzae</i> týp 2	ACT-HIB (IM HOẶC LÀ SC)	
4 tuổi	Bạch hầu, uốn ván, ho gà, bại liệt	INFANRIX-IPV HOẶC LÀ QUADRACEL (IM)	

NHÓM NGUY CƠ, THANH THIẾU NIÊN VÀ NGƯỜI LỚN

TUỔI/NHÓM	CHỨNG BỆNH	VẮC XIN	THÔNG TIN
Tất cả mọi người bị chứng không có lá lách, thiếu năng lách, suy giảm bổ thể và đang được điều trị bằng thuốc eculizumab	Viêm màng não cầu khuẩn ACWY	NIMENRIX (IM)	Xem AIH [*] về liều cần và thời gian Có các nhóm khác nữa được đề nghị cần chủng ngừa những vắc xin này nhưng không được tài trợ
	Viêm màng não cầu khuẩn B	BEXSERO (IM)	
>5 tuổi bị chứng không có lá lách hay là thiếu năng lách	<i>Haemophilus influenzae</i> týp 2	ACT-HIB (IM hoặc là SC)	Nếu chủng ngừa không đủ hoặc không được chủng ngừa khi còn nhỏ
Lớp 7	Bạch hầu, uốn ván, ho gà	BOOSTRIX (IM)	
	Vi rút Human papillomavirus	GARDASIL 9 (IM)	
Lớp 10	Viêm màng não cầu khuẩn ACWY	NIMENRIX (IM)	
Có thai	Cúm	INFLUENZA	Cúm: Bất cứ quý ba tháng nào
	Ho gà	BOOSTRIX HOẶC LÀ ADACEL (IM)	Ho gà: mỗi lần có thai trong vòng 20-32 tuần
Người thổ dân ≥50 tuổi	Phế cầu khuẩn	PREVENAR 13 (IM) kế tiếp là PNEUMOVAX 23 (IM)	Prevenar 13: ≥50 tuổi Pneumovax 23: 2-12 tháng sau Pneumovax 23: sớm nhất là 5 năm sau
	70 tuổi	Phế cầu khuẩn	PREVENAR 13 (IM)
	Giời leo	ZOSTAVAX (SC)	Phế cầu khuẩn tài trợ cho người ≥70 Giời leo: Liều chủng bù có cho người 71-79 tuổi cho đến ngày 31/10/2021
Những người có chứng bệnh nguy cơ đối với IPD [†]	Xem AIH [*] trực tuyến về các chứng bệnh đề nghị nên chủng ngừa PREVENAR 13 và PNEUMOVAX 23		

CÚM

TUỔI/CHỨNG BỆNH NGUY CƠ	KIẾN NGHỊ	THÔNG TIN
Tất cả trẻ em 6 tháng <5 tuổi	CHÚNG NGỪA CÚM HÀNG NĂM	Đề biết về các thương hiệu vắc xin và hội đủ điều kiện, xem tại trang mạng: www.health.nsw.gov.au/immunisation/Pages/flu.aspx
Người thổ dân ≥ 6 tháng		
Là người có chứng bệnh nguy cơ ≥6 tháng		
≥65 tuổi		
Phụ nữ có thai		

[†] Thuật ngữ thổ dân là bao gồm cả người thổ dân lẫn người xứ đảo Torres Strait. [‡] IPD: Bệnh phế cầu xâm lấn. *AIH: Sách Hướng dẫn Chủng ngừa Úc trực tuyến.